

Số: 161/QĐ-VKSTC

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về việc chuyển đổi vị trí công tác
trong ngành Kiểm sát nhân dân

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức năm 2008, Luật Viên chức năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc chuyển đổi vị trí công tác trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 20/QĐ-VKSTC-V9 ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ban hành danh mục các vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong ngành Kiểm sát phải thực hiện định kỳ chuyển đổi.

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (thay báo cáo);
- Lãnh đạo VKSND tối cao;
- Bộ Nội vụ;
- Website VKSND tối cao;
- Lưu: VT, V15.

VIỆN TRƯỞNG



Lê Minh Trí

QUY ĐỊNH

Về việc chuyển đổi vị trí công tác trong ngành Kiểm sát nhân dân
(Kèm theo Quyết định số 161/QĐ-VKSTC ngày 28 tháng 4 năm 2021
của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về đối tượng, nguyên tắc chuyển đổi, vị trí công tác phải chuyển đổi, thẩm quyền chuyển đổi, thời hạn định kỳ chuyển đổi, phương thức và các trường hợp chuyển đổi vị trí công tác trong ngành Kiểm sát nhân dân theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Quy định này áp dụng đối với công chức, viên chức đang công tác tại Viện kiểm sát nhân dân các cấp, có vị trí làm việc trong lĩnh vực công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, công tác tổ chức cán bộ, công tác quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc liên quan đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác.

3. Việc chuyển đổi vị trí công tác trong hệ thống Viện kiểm sát quân sự do Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự Trung ương đề nghị Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

Điều 2. Nguyên tắc chuyển đổi vị trí công tác

1. Cơ quan, đơn vị theo thẩm quyền phải định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức trong cơ quan, đơn vị mình nhằm phòng ngừa tham nhũng. Việc luân chuyển công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thực hiện theo quy định về luân chuyển cán bộ.

2. Việc chuyển đổi vị trí công tác phải phù hợp với quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, pháp luật về công chức, viên chức và quy định của pháp luật liên quan, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tham nhũng và bảo đảm hiệu quả công tác của Viện kiểm sát nhân dân.

3. Việc chuyển đổi vị trí công tác phải bảo đảm sự bình đẳng, khách quan, phù hợp với trình độ, năng lực, sở trường về chuyên môn, nghiệp vụ của người được chuyển đổi vị trí công tác, bảo đảm hiệu quả, tiến độ, chất lượng công tác của cơ quan, đơn vị.

4. Việc chuyển đổi vị trí công tác phải được thực hiện theo kế hoạch và công khai, minh bạch trong cơ quan, đơn vị.

5. Nghiêm cấm lợi dụng việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức vì vụ lợi, để trừ dặt hoặc vì động cơ cá nhân.

Điều 3. Vị trí công tác định kỳ chuyển đổi

Người có chức vụ, quyền hạn phải được chuyển đổi vị trí công tác là người làm việc tại vị trí công tác sau đây:

1. Trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân các cấp gồm:

a) Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; điều tra; truy tố; xét xử vụ án hình sự;

b) Kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự; việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật; thi hành án dân sự, hành chính; giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp;

c) Thực hành quyền công tố trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự và kiểm sát hoạt động tương trợ tư pháp;

d) Điều tra các tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp, tội phạm tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp.

2. Trong công tác tổ chức cán bộ, công tác thi đua khen thưởng gồm:

a) Thẩm định nhân sự để trình cấp có thẩm quyền tiếp nhận, quy hoạch, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức;

b) Tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; thi tuyển Kiểm sát viên, Điều tra viên, Kiểm tra viên; thi nâng ngạch công chức, viên chức; thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

c) Thẩm định hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt về tổ chức bộ máy, biên chế, số lượng chức danh tư pháp;

d) Thẩm định hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền quyết định các hình thức thi đua, khen thưởng, kỷ luật;

đ) Phân bổ chỉ tiêu đào tạo;

e) Quản lý, thực hiện chế độ tiền lương đối với công chức, viên chức, người lao động.

3. Trong công tác quản lý ngân sách, tài sản trong cơ quan, đơn vị gồm:

a) Lập, xây dựng định mức phân bổ ngân sách; thực hiện phân bổ, điều chỉnh dự toán ngân sách;

b) Kế toán;

c) Mua sắm công;

d) Thẩm định báo cáo, đề xuất chủ trương đầu tư và dự thảo quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án trong Ngành;

đ) Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ tài chính kế toán, quản lý, sử dụng ngân sách; xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán đối với các đơn vị dự toán trong Ngành.

4. Trong công tác thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo gồm:

a) Làm công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo;

b) Công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành.

5. Trong công tác giáo dục và đào tạo gồm:

a) Tuyển sinh, đào tạo;

b) Thẩm định, phê duyệt chương trình đào tạo, bồi dưỡng các nhà trường;

c) Phân bổ, thẩm định các đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Điều 4. Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác là từ đủ 02 năm đến 05 năm theo đặc thù của từng công việc, lĩnh vực.

Đối với vị trí định kỳ phải chuyển đổi công tác có yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ đặc thù so với vị trí khác, cần có tính ổn định, kết hợp đào tạo chuyên gia chuyên sâu về lĩnh vực công tác và công chức, viên chức công tác tại vị trí này có năng lực, uy tín, hàng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trở lên thì lãnh đạo đơn vị có thể quyết định thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác nhiều hơn 05 năm.

Điều 5. Phương thức thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác

1. Chuyển đổi vị trí công tác cùng chuyên môn, nghiệp vụ từ bộ phận này sang bộ phận khác trong cơ quan, đơn vị; giữa các lĩnh vực, địa bàn được phân công theo dõi, phụ trách, quản lý hoặc giữa các cơ quan, đơn vị trong phạm vi quản lý thuộc đơn vị của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện.



2. Chuyển đổi vị trí công tác được thực hiện bằng quyết định điều động, bố trí, phân công nhiệm vụ đối với công chức, viên chức theo quy định của pháp luật và của ngành Kiểm sát nhân dân.

Điều 6. Thẩm quyền chuyển đổi vị trí công tác

Thẩm quyền chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức thực hiện theo phân cấp quản lý công chức, viên chức trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Điều 7. Trường hợp chưa thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác

1. Người đang trong thời gian bị xem xét, xử lý kỷ luật.
2. Người đang bị kiểm tra, xác minh, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử.
3. Người đang điều trị bệnh hiểm nghèo được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận; người đang đi học tập trung từ 12 tháng trở lên; người đang biệt phái.
4. Phụ nữ đang trong thời gian mang thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; nam giới đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi do vợ mất hoặc trong trường hợp khách quan khác, trừ trường hợp theo nguyện vọng của công chức.

Điều 8. Chuyển đổi vị trí công tác trong trường hợp đặc biệt

1. Cơ quan, đơn vị có một vị trí phải định kỳ chuyển đổi công tác mà vị trí này có yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ khác với các vị trí còn lại của cơ quan, đơn vị đó thì việc chuyển đổi do người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng người có chức vụ, quyền hạn đề nghị với cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển đổi theo phân cấp quản lý cán bộ trong ngành Kiểm sát nhân dân.

2. Không thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với người có thời gian công tác còn lại dưới 18 tháng cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu, trừ trường hợp có lý do khác.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện quy định này; hàng năm, ban hành, công khai kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với người có chức vụ, quyền hạn theo thẩm quyền quản lý cán bộ và báo cáo kết quả về Vụ Tổ chức cán bộ Viện kiểm sát nhân dân tối cao để theo dõi, tổng hợp. Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác phải nêu rõ mục đích, yêu cầu, trường hợp cụ thể phải chuyển đổi vị trí công tác, thời gian thực hiện chuyển đổi, quyền, nghĩa vụ của người phải chuyển đổi vị trí công tác và biện pháp tổ chức thực hiện.

2. Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao rà soát, đề xuất những công chức, viên chức trong đơn vị cần chuyển đổi vị trí công tác đến các đơn vị khác, gửi về Vụ Tổ chức cán bộ để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, quyết định.

3. Vụ Tổ chức cán bộ Viện kiểm sát nhân dân tối cao:

a) Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức theo thẩm quyền quản lý cán bộ. Định kỳ hàng năm, tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao kết quả thực hiện, những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác của các đơn vị để xem xét, giải quyết;

b) Phối hợp với Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao nghiên cứu, thẩm định, đề xuất nhân sự chuyển đổi vị trí công tác (trừ những trường hợp chuyển đổi vị trí trong phạm vi nội bộ đơn vị), báo cáo Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, quyết định.

Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào Quy định này thi hành, trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì báo cáo về Viện kiểm sát nhân dân tối cao (thông qua Vụ Tổ chức cán bộ) để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời./.



